

Số:**74** /KH-UBND

Quảng Ngãi, ngày **04** tháng **5** năm **2021**

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình cung cấp và phát triển Hệ thống thông tin chuyên ngành Dân số tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030

Thực hiện Quyết định số 2259/QĐ-TTg ngày 30/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình cung cấp và phát triển Hệ thống thông tin chuyên ngành dân số đến năm 2030 và Công văn số 1544/BYT-TCTS ngày 11/3/2021 của Bộ Y tế về việc triển khai thực hiện Chương trình cung cấp và phát triển hệ thống thông tin chuyên ngành dân số đến năm 2030, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình cung cấp và phát triển Hệ thống thông tin chuyên ngành Dân số tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030, như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Phát triển Hệ thống thông tin số liệu dân số (sau đây gọi tắt là Chương trình) theo hướng hiện đại và đồng bộ bảo đảm cung cấp đầy đủ tình hình, dữ báo dân số tin cậy phục vụ quản lý nhà nước về dân số, góp phần thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội của các cơ quan, tổ chức trên toàn tỉnh, nhằm thực hiện thành công Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030.

2. Mục tiêu cụ thể

- Nâng cao chất lượng thu thập thông tin của cộng tác viên dân số tại hộ gia đình bảo đảm phản ánh đầy đủ, kịp thời, chính xác các biến động về dân số và phát triển.

- Định kỳ công bố báo cáo phân tích chuyên sâu, báo cáo tổng quan hằng năm và 5 năm về tình hình dân số.

Đến năm 2025:

a) 90% thông tin số liệu trực tuyến về dân số được cập nhật, số hóa ở cấp xã; 100% số xã thực hiện được việc cập nhật thông tin số liệu chuyên ngành dân số trực tiếp vào kho dữ liệu chuyên ngành dân số.

b) 100% kho dữ liệu chuyên ngành dân số các cấp được hiện đại hóa, hình thành hệ thống lưu trữ, kết nối thông tin số liệu dân số và phát triển; hoàn thành việc hiện đại hóa hạ tầng, trang thiết bị và các ứng dụng công

nghệ thông tin của kho dữ liệu chuyên ngành dân số các cấp bảo đảm kết nối liên thông đến cấp xã, lưu trữ tập trung tại cấp tỉnh.

c) 100% cơ sở dữ liệu cấp huyện xử lý, khai thác trực tuyến trên môi trường mạng các chỉ tiêu dân số và phát triển phục vụ chỉ đạo, điều hành, quản lý nhà nước về dân số.

d) 80% ngành, lĩnh vực, địa phương sử dụng dữ liệu chuyên ngành dân số trong xây dựng, thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, dự án phát triển kinh tế - xã hội.

đ) Mở rộng các hình thức cung cấp thông tin số liệu chuyên ngành dân số cho các cơ quan, tổ chức trong xã hội; có ít nhất 5 ứng dụng trên thiết bị di động thông minh.

Đến năm 2030:

a) 100% thông tin số liệu trực tuyến về dân số được cập nhật, số hóa ở cấp xã; công tác viên dân số thực hiện cập nhật thông tin số liệu trực tuyến bằng thiết bị di động thông minh đạt 90%.

b) Duy trì hệ thống kho dữ liệu chuyên ngành dân số các cấp được hiện đại hóa, hình thành hệ thống lưu trữ, kết nối thông tin số liệu dân số và phát triển.

c) 100% cấp huyện, xã xử lý, khai thác trực tuyến trên môi trường mạng các chỉ tiêu dân số và phát triển phục vụ chỉ đạo, điều hành, quản lý nhà nước về dân số.

d) 100% ngành, lĩnh vực, địa phương sử dụng dữ liệu chuyên ngành dân số trong xây dựng, thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội.

d) Phát triển các hình thức cung cấp thông tin số liệu chuyên ngành dân số cho các cơ quan, tổ chức trong xã hội; có ít nhất 10 ứng dụng trên thiết bị di động thông minh.

II. THỜI GIAN, PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG

1. Thời gian thực hiện: Giai đoạn 2021-2030.

2. Phạm vi: Chương trình triển khai thực hiện trên phạm vi toàn tỉnh.

3. Đối tượng: Cơ quan dân số, y tế các cấp, cán bộ làm công tác dân số các cấp và cơ quan quản lý có liên quan.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến thông tin số liệu dân số và phát triển

Chuyển tải thông tin của các sản phẩm, ấn phẩm thông tin số liệu dân số đến lãnh đạo, các sở, ban, ngành, đoàn thể trên địa bàn tỉnh. Xây dựng báo cáo chuyên sâu, tài liệu, hướng dẫn, dự báo các vấn đề dân số mới này sinh.

Cung cấp, chia sẻ thông tin dữ liệu chuyên ngành dân số thuận tiện, liên tục và theo thời gian.

Đổi mới phương thức cung cấp thông tin số liệu dân số và phát triển theo các hình thức khác nhau. Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến trên các phương tiện thông tin đại chúng, các kênh thông tin truyền thông hiện đại, trực tuyến đến cơ quan, tổ chức và người dân; thông tin số liệu dân số và phát triển trong công tác chỉ đạo, điều hành đạt các mục tiêu đề ra; lồng ghép yếu tố dân số trong xây dựng, thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội.

Ban hành kế hoạch để bảo đảm nguồn lực; phân công cụ thể từng địa phương, cơ quan, đơn vị tham gia thực hiện Chương trình.

2. Hoàn thiện cơ chế, chính sách, quy định chuyên môn, kỹ thuật

- Thực hiện rà soát, sửa đổi, bổ sung cơ chế phối hợp, chia sẻ, khai thác thông tin số liệu dân số và phát triển của các đơn vị, địa phương; chính sách hỗ trợ việc thu thập, cập nhật thông tin số liệu đầu vào, quản trị và vận hành kho dữ liệu chuyên ngành dân số.

- Thực hiện rà soát, bổ sung các quy định về kỹ thuật, an toàn thông tin, an ninh dữ liệu, vận hành kho dữ liệu chuyên ngành dân số; giám sát, đánh giá, thẩm định chất lượng thông tin số liệu.

3. Nâng cao chất lượng thông tin số liệu, hiện đại hóa kho dữ liệu chuyên ngành dân số

- Đổi mới phương pháp, nâng cao chất lượng thu thập thông tin số liệu đầu vào của mạng lưới dân số các cấp, cộng tác viên dân số; rà soát, thẩm định thông tin số liệu; kết hợp chặt chẽ, hiệu quả 3 hình thức thu thập thông tin: Báo cáo định kỳ, điều tra thống kê, hồ sơ đăng ký hành chính trên cơ sở nhu cầu thông tin số liệu phục vụ quản lý điều hành.

- Nâng cấp hệ thống kho dữ liệu chuyên ngành dân số

- + Xây dựng, triển khai giải pháp để số hóa, cập nhật thông tin số liệu trực tuyến tại cấp xã; lưu trữ, quản lý dữ liệu tập trung tại kho dữ liệu chuyên ngành dân số cấp tỉnh, huyện;

- + Nâng cấp cơ sở vật chất, bổ sung trang thiết bị của kho dữ liệu chuyên ngành dân số các cấp trên cơ sở kế thừa tối đa hạ tầng công nghệ thông tin sẵn có;

- + Ứng dụng các giải pháp khoa học công nghệ mới, phát triển các ứng dụng khai thác dữ liệu, dự báo dân số phục vụ yêu cầu quản lý, phân tích, chia sẻ, công bố thông tin số liệu dân số;

- + Triển khai các giải pháp kết nối chia sẻ với cơ sở dữ liệu của các ngành, địa phương; hình thành cổng dữ liệu dân số; quản lý và giám sát an toàn thông tin; bảo mật các cơ sở dữ liệu theo quy định của pháp luật;

+ Kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin của các hệ thống thông tin trong phạm vi Chương trình đề ra.

- Điều tra, khảo sát về dân số và phát triển; nhân khẩu học và sức khỏe. Nghiên cứu, thí điểm mô hình nâng cao chất lượng thu thập, cập nhật thông tin; các biến động về nhân khẩu học.

4. Nâng cao năng lực cán bộ, cộng tác viên tham gia

Tuyển chọn, đào tạo cán bộ chuyên sâu, chuyên gia về thống kê dân số, nhân khẩu học, công nghệ thông tin.

Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ y tế, dân số, cộng tác viên dân số về kiến thức và kỹ năng thu thập thông tin; xử lý, khai thác, lưu trữ số liệu dân số; quản trị, vận hành kho dữ liệu chuyên ngành dân số.

5. Huy động nguồn lực

Đa dạng hóa nguồn vốn thực hiện Chương trình, lồng ghép với các kế hoạch, chương trình, đề án, nhiệm vụ liên quan; huy động mạng lưới y tế, dân số, cộng tác viên dân số tham gia theo chức năng nhiệm vụ được giao bảo đảm hoạt động ở tuyến cơ sở; ứng dụng khai thác dữ liệu; các giải pháp nâng cao chất lượng thông tin số liệu.

Đẩy mạnh hợp tác kỹ thuật, đào tạo, trao đổi chuyển giao công nghệ; tranh thủ hỗ trợ kỹ thuật, tài chính của các cấp, tổ chức quốc tế để thực hiện nhanh, hiệu quả các mục tiêu của Chương trình.

IV. KINH PHÍ

- Ngân sách địa phương: Kinh phí thực hiện chương trình do ngân sách nhà nước bảo đảm theo phân cấp ngân sách hiện hành và khả năng cân đối ngân sách trong từng thời kỳ, được bố trí trong dự toán hàng năm của các cơ quan, đơn vị theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn liên quan.

- Ngân sách Trung ương (nếu có).

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai Chương trình, bảo đảm gắn kết chặt chẽ với các kế hoạch, chương trình, đề án có liên quan cho các cơ quan, đơn vị; hướng dẫn thanh tra, kiểm tra, giám sát và tổng hợp tình hình thực hiện.

- Xây dựng kế hoạch, hướng dẫn và triển khai các nội dung của Chương trình trên phạm vi toàn tỉnh.

- Hàng năm, phối hợp với Sở Tài chính và các đơn vị có liên quan xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định để thực hiện các nhiệm vụ phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của tỉnh.

- Đánh giá sơ việc quả thực hiện giai đoạn 2021-2025 để điều chỉnh cho phù hợp với giai đoạn 2026-2030.

- Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, tổng hợp tình hình thực hiện Chương trình và định kỳ báo cáo Bộ Y tế, Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

2. Sở Tài chính

Trên cơ sở đề nghị của Sở Y tế, căn cứ khả năng cân đối ngân sách, có trách nhiệm tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí theo quy định.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các sở, ngành có liên quan tổng hợp nhu cầu kế hoạch đầu tư công, báo cáo cấp có thẩm quyền giao kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm để thực hiện Chương trình (nếu có), theo quy định Luật đầu tư công và các văn bản pháp luật liên quan.

4. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các đơn vị liên quan hướng dẫn các cơ quan báo chí, truyền thông của tỉnh và chỉ đạo hệ thống thông tin cơ sở thông tin các hoạt động triển khai Chương trình trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế hướng dẫn chuyên môn, các quy định, quy chuẩn kỹ thuật về kết nối, chia sẻ cơ sở dữ liệu chuyên ngành dân số với cơ sở dữ liệu của các ngành liên quan; lồng ghép, đổi chiều thông tin trong Sổ hộ gia đình với thông tin Cục Thống kê.

5. Các sở, ngành tham gia thực hiện Kế hoạch trong phạm vi, chức năng, nhiệm vụ được giao.

6. UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Xây dựng và triển khai Kế hoạch tại địa phương trên cơ sở các nội dung định hướng của Kế hoạch này và điều kiện, đặc điểm của từng địa phương.

- Bố trí nhân lực, phương tiện, kinh phí thực hiện chương trình và các hoạt động theo điều kiện của địa phương.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, phong trào thi đua về công tác dân số trên địa bàn.

- Sử dụng dữ liệu chuyên ngành dân số trong xây dựng và thực hiện các kế hoạch, chương trình tại địa phương.

7. Đề nghị Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Liên đoàn Lao động tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Tỉnh đoàn, Hội Nông

dân tỉnh, Hội Cựu chiến binh tỉnh: Tăng cường công tác vận động, tuyên truyền hội viên, đoàn viên và nhân dân tích cực tham gia công tác dân số và phát triển trong tình hình mới.

VI. CÔNG TÁC THỐNG KÊ BÁO CÁO

Các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo quý I, II, III và cả năm gửi trước ngày 15 của tháng cuối quý qua Sở Y tế để tổng hợp báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định./.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế;
- Tổng cục DS-KHHGĐ, Bộ Y tế;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành và các tổ chức chính trị-xã hội tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- VPUB: CVP, PCVP(VX), CBTH;
- Lưu: VT, KGVX_{lmc309}.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Phiên